TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị Đ và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Bà Trần Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trang Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp VT 1, xã LC, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp VT 1, xã LC, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Đ trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Nguyễn Trung Q tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tháng 04 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau, thường xảy ra cự cãi, xung đột, nên cuộc sống không có hạnh phúc. Chính vì vậy tôi đã ly thân, qua 01 năm ly thân tôi nhận thấy tình cảm không còn, không thể sống chung nên tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Về con chung có 01 con tên Nguyễn Ngọc Phương Nghi, sinh ngày 27/9/2015, hiện đang sống với mẹ. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Trung Q, con chung yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con, tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Trung Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 17/9/2018 anh Q có bản tự khai thống nhất như cô Nguyễn Thị Trang Đ trình bày về thời gian, về điều kiện kết hôn, về con chung, về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi tham gia cờ bạc, tự lấy tài sản của vợ chồng đem đi bán và quen biết với người phụ nữ khác, không chăm lo vợ, con từ đó dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay. Cô Trang Đ xin ly hôn tôi không đồng ý vì tôi vẫn con thương vợ, thương con, muốn có thời gian để vợ chồng hàn gắn. Nếu cô Trang Đ kiên quyết ly hôn thì tôi xin được nuôi con chung và không yêu cầu cô Trang Đ phải đóng góp nuôi con. Ngày 17/9/2018 anh Nguyễn Trung Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Nguyễn Trung Q có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Nguyễn Trung Q được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Trang Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung Q. Về con chung có 01 con tên Nguyễn Ngọc Phương Nghi, sinh ngày 27/9/2015, hiện đang sống với mẹ. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Nguyễn Trung Q Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Sơn vẫn vắng mặt không lý do. Sau đó anh Q có bản tự khai thống nhất như cô Nguyễn Thị Trang Đ trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn anh Q cũng thừa nhận do tham gia cờ bạc, tự lấy tài sản của vợ chồng đem đi bán và quen biết với người phụ nữ khác, không chăm lo vợ, con từ đó dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Cô Trang Đ xin ly hôn tôi không đồng ý vì tôi vẫn con thương vợ, thương con, muốn có thời gian để vợ chồng hàn gắn. Nếu cô Trang Đ kiên quyết ly hôn thì tôi xin được nuôi con chung và không yêu cầu cô Trang Đ phải đóng góp nuôi con.

[5] Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

- Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

- Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Nguyễn Trung Q sống có hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, xung đột, chung sống không hạnh phúc và ly thân. Anh Trung Q không

đồng ý ly hôn với chị Trang Đ vì cho rằng vẫn con thương vợ, thương con, muốn có thời gian để vợ chồng hàn gắn, nếu chị Trang Đ kiên quyết ly hôn thì anh Trung Q xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị Trang Đ phải đóng góp nuôi con. Hội đồng thấy theo quy định của luật hôn nhân và gia đình đã quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do vậy yêu cầu nuôi con của anh Trung Q không được xem xét. Hôn nhân của chị Trang Đ và anh Trung Q đã ly thân một thời gian nhưng vợ chồng không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng mà để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Nguyễn Trung Q ly hôn là phù hợp. Về con chung có 01 con tên Nguyễn Ngọc Phương Nghi, sinh ngày 27/9/2015, hiện đang sống với mẹ và chị Trang Đ yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Trung Q phải đóng góp nuôi con. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ nên Hội đồng không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Trang Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0009468 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11 - 85 - 89 - 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trang Đ và anh Nguyễn Trung Q.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Trang Đ được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Nghi, sinh ngày 27/9/2015 và chị Trang Đ không yêu cầu anh Trung Q phải đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Trang Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0009468 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự; (để thi hành)
- UBND xã Lê Chánh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

Đào Văn On